

Số: 266/2026/QĐST-HNGĐ

Tuyên Quang, ngày 04 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 384/2026/TLST-HNGĐ ngày 20/8/2026, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Ngọc N**; sinh ngày: 10/9/2000; căn cước công dân số: xxxxxxxxxxxx.

- Bị đơn: Anh **Tô Quang D**; sinh ngày: 29/4/1996; căn cước công dân số: xxxxxxxxxxxx.

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã N, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào các điều 147, 212 và 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 110, 116, 117 và 118 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2026 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26/8/2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26/8/2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Ngọc N và anh Tô Quang D.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Ngọc N và anh Tô Quang D nhất trí thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Nguyễn Ngọc N và anh Tô Quang D xác nhận có 01 con chung là cháu Tô Quang H, sinh ngày 29/01/2022. Khi ly hôn, chị Nguyễn

Ngọc N là người trực tiếp nuôi cháu Tô Quang H đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung, anh Tô Quang D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Tô Quang H, mức cấp dưỡng mỗi tháng là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày 01/9/2026 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Ngọc N tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) và án phí cấp dưỡng 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng); được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Nguyễn Ngọc N đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000393 ngày 19/8/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 36 và 72 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND KV4 - Tuyên Quang;
- Thi hành án DS tỉnh Tuyên Quang;
- UBND xã P, tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Hoàng Khánh Phương